

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B19KDN												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP										ĐỢT HỌC		7
				MÃ HỌC PHẦN : ACC414										TÍN CHỈ		2
Ngày thi: 17/05/2015														LẦN THI		1
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
1	1926262913	Trần Thị Kim	Dung	B19KDN	10		4		7.5				7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
2	1926262914	Trần Thị Thùy	Dung	B19KDN	10		9.3		8				7.6	8.1	Tám phẩy Một	
3	1926262917	Nguyễn Lê Tịnh	Đoan	B19KDN	8		6.7		9.3				7.9	8.1	Tám phẩy Một	
4	1926262918	Nguyễn Hoài	Giang	B19KDN	10		7.5		9				8.2	8.5	Tám phẩy Năm	
5	1927262919	Trần Trường	Giang	B19KDN	6		1.5		8				6.4	6.3	Sáu phẩy Ba	
6	1926262920	Lê Thị Ngọc	Hà	B19KDN	8		5		8				6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
7	1926262921	Nguyễn Thị Hải	Hà	B19KDN	10		8		8				5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
8	1926262922	Nguyễn Lê Xuân	Hải	B19KDN	8		8		8				7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
9	1927262924	Trần Trọng	Khải	B19KDN	10		8.7		9.5				9	9.2	Chín phẩy Hai	
10	1926262925	Trần Nguyễn Anh	Khoa	B19KDN	10		7.5		8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
11	1926262928	Nguyễn Thị Thanh	Lam	B19KDN	8		0		0				HP	0.0	Không	HP
12	1926262929	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	B19KDN	10		8		9.5				7.4	8.2	Tám phẩy Hai	
13	1926262930	Đặng Việt Lê	Liên	B19KDN	6		10		8				6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
14	1926262933	Nguyễn Kiều Mỹ	Linh	B19KDN	8		8.7		9.3				6.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
15	1926262937	Nguyễn Thị Thu	Ngân	B19KDN	10		9.3		8				5.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
16	1926262941	Lê Thị Tuệ	Nhân	B19KDN	0		0		0				HP	0.0	Không	HP
17	1926262943	Đinh Thị	Nương	B19KDN	8		4		7.5				6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
18	1926262945	Thái Thị Uyên	Phương	B19KDN	6		8.7		7.5				6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
19	1926262947	Trần Thị Bảo	Quyên	B19KDN	10		7.4		9.5				9	9.1	Chín phẩy Một	
20	1927262948	Phạm Kim	Sơn	B19KDN	10		8.7		8				7.7	8.1	Tám phẩy Một	
21	1927262949	Thái Quang	Sơn	B19KDN	8		9.5		9.3				8.6	8.8	Tám phẩy Tám	
22	1926262950	Đới Phương	Thanh	B19KDN	6		6		9.5				5	6.3	Sáu phẩy Ba	
23	1926262952	Nguyễn Thị Thu	Thảo	B19KDN	8		10		8				7.9	8.1	Tám phẩy Một	
24	1926262972	Lê Hoài	Thương	B19KDN	6		9.3		8				4.2	5.8	Năm phẩy Tám	
25	1926262956	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	B19KDN	6		6.7		9				8.3	8.1	Tám phẩy Một	
26	1926262960	Trần Thị Thục	Trinh	B19KDN	7		8		9.3				7.9	8.2	Tám phẩy Hai	
27	1926262971	Mai Thị Cẩm	Tuyển	B19KDN	8		10		7.5				8.7	8.5	Tám phẩy Năm	
28	1927262961	Trần Văn	Tướng	B19KDN	8		8.7		8				7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
29	1926262962	Vô Thị	Vân	B19KDN	8		8		7.5				9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
30	1926262963	Nguyễn Thị Thúy	Vi	B19KDN	6		8.7		8				3.2	0.0	Không	
31	1926262970	Hoàng Thị	Xuyên	B19KDN	6		6		7.5				5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
32	1826243184	Huỳnh Thị	Nhung	B19KDN	10		7.4		7.5				7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
33	172354305	Trần Thị Hải	Yến	B19KDN	6		8		7.5				6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	30	83%	
2	Số sinh viên nợ	6	17%	
TỔNG CỘNG :		36	100%	

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 05 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phụng

Phạm Văn Thành

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân